

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch thực hiện công tác tiêm chủng mở rộng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/11/2007;

Căn cứ Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về hoạt động tiêm chủng; Nghị định số 13/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 38/2017/TT-BYT ngày 17/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc;

Căn cứ Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng;

Căn cứ Quyết định số 3384/QĐ-BYT ngày 03/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hệ số sử dụng vắc xin và vật tư tiêu hao trong tiêm chủng mở rộng;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 157/TTr-SYT ngày 02/7/2024 và ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện công tác tiêm chủng mở rộng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch ban hành tại Điều 1 Quyết định này đạt mục tiêu, kết quả đề ra.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *h*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (báo cáo);
- Cục YTDP, Viện VSDT TƯ, Viện Pasteur Nha Trang;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXXH - HĐND tỉnh;
- Trung tâm KSBT tỉnh;
- TTYT các huyện, TX, TP;
- Báo BĐ; Đài PTTH BĐ; Công TTĐT tỉnh;
- UBND - TYT 159 xã, phường, thị trấn;
- Các PVP UBND tỉnh + CV;
- Lưu: VT, K15.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác tiêm chủng mở rộng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu

- Đăng ký nhu cầu đầy đủ, tiếp nhận vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng (TCMR) từ Bộ Y tế cung cấp để triển khai tiêm chủng trên địa bàn tỉnh;
- Duy trì thành quả và nâng cao hiệu quả công tác TCMR;
- Triển khai các vắc xin mới trong TCMR theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

2. Chỉ tiêu chuyên môn

a) Thực hiện đạt tỷ lệ tiêm chủng các vắc xin trong Chương trình TCMR, cụ thể: tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin cho trẻ dưới 1 tuổi (Lao, Bạch hầu, Ho gà, Uốn ván, VGB, Hib, Bại liệt uống, Sởi) đạt tỷ lệ $\geq 98\%$ trên quy mô xã, phường; tỷ lệ tiêm vắc xin Viêm gan B sơ sinh trong vòng 24 giờ đạt $\geq 90\%$; tỷ lệ tiêm vắc xin viêm não Nhật Bản đạt tỷ lệ $\geq 98\%$; tỷ lệ trẻ 18 tháng tuổi được tiêm nhắc vắc xin Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván (DPT) và vắc xin sởi - rubella đạt tỷ lệ $\geq 98\%$; tiêm vắc xin bại liệt (IPV) mũi 1 cho trẻ 5 tháng tuổi đạt tỷ lệ $\geq 95\%$; tiêm vắc xin bại liệt (IPV) mũi 2 cho trẻ 9 tháng tuổi đạt tỷ lệ $\geq 90\%$.

b) Bảo đảm phụ nữ có thai được tiêm vắc xin phòng uốn ván UV2+ đạt tỷ lệ $\geq 98\%$.

c) Bảo vệ thành quả thanh toán bệnh Bại liệt; duy trì thành quả Loại trừ uốn ván sơ sinh (UVSS), giảm số mắc UVSS dưới 1/1.000 trẻ đẻ sống ở tất cả các huyện/thị xã/thành phố; khống chế và tiến tới loại trừ bệnh Sởi.

d) Quản lý tốt các đối tượng tiêm chủng và vắc xin trong chương trình TCMR bằng phần mềm trực tuyến; 100% cơ sở tiêm chủng trên địa bàn tỉnh sử dụng và cập nhật chính xác, đầy đủ trên Hệ thống thông tin tiêm chủng Quốc gia.

đ) Tăng cường giám sát bệnh có vắc xin phòng bệnh trong Chương trình TCMR ở các tuyến, nhất là liệt mềm cấp/bại liệt, Chết sơ sinh/uốn ván sơ sinh, nghi sởi/sởi; giảm tỷ lệ mắc/chết các bệnh truyền nhiễm thuộc Chương trình TCMR.

(Chi tiết tại các Phụ lục 2, 3 và 4 kèm theo Kế hoạch này)

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng: Tất cả đối tượng thuộc diện TCMR *(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo Kế hoạch này)*.

2. Số lượng vắc xin, vật tư tiêm chủng

- Nhu cầu vắc xin năm 2025 được ước tính trên cơ sở dự kiến đối tượng (bao gồm vắc xin để tiêm bù mũi cho những đối tượng thuộc Chương trình TCMR năm

2024 chưa được tiêm chủng đủ mũi, đối tượng của năm 2025 và dự trữ trong 6 tháng đầu năm 2026 theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng (*Chi tiết tại Phụ lục 5 kèm theo Kế hoạch này*).

- Nhu cầu vật tư tiêm chủng năm 2025 được ước tính theo số đối tượng đăng kí và số lượng vắc xin dự kiến (*Chi tiết tại Phụ lục 6 kèm theo Kế hoạch này*).

3. Phạm vi thực hiện: 159 xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Bình Định.

4. Thời gian thực hiện: Năm 2025.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI

1. Tổ chức hoạt động tiêm chủng thường xuyên

a) *Cung ứng vắc xin, vật tư tiêm chủng*

- Tiếp nhận, phân bổ, quản lý, điều phối vắc xin, vật tư tiêm chủng. Thường xuyên rà soát tình hình sử dụng vắc xin ở các đơn vị để cấp vắc xin đảm bảo nhu cầu sử dụng và định mức. Ưu tiên tiếp cận tiêm chủng tới mọi đối tượng của hoạt động TCMR, đạt độ bao phủ tiêm chủng $\geq 98\%$, tránh bỏ lỡ cơ hội tiêm chủng của các đối tượng thuộc diện TCMR.

- Tổ chức tiêm chủng các vắc xin trong TCMR đạt chỉ tiêu và an toàn hiệu quả; tổ chức tiêm chủng vắc xin Viêm gan B sơ sinh tại các bệnh viện và trạm y tế; tổ chức tiêm chủng cho trẻ có bệnh nền và trẻ cần khám sàng lọc tại bệnh viện; tổ chức tiêm chủng thường xuyên ít nhất 2 lần/tháng, thực hiện tiêm vét ngay trong tháng; triển khai tiêm vét, tiêm bù mũi các vắc xin trong TCMR cho đối tượng chưa được tiêm chủng hoặc chưa tiêm chủng đủ mũi.

- Tổ chức mua sắm bơm kim tiêm, hộp an toàn, vật tư tiêm chủng, bảo đảm đáp ứng đầy đủ, kịp thời bơm kim tiêm và vật tư tiêm chủng cho các địa phương triển khai tiêm chủng thường xuyên.

- Tiếp tục duy trì giám sát, bảo dưỡng hệ thống dây chuyền lạnh tại các tuyến.

b) *Tập huấn, đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ làm tiêm chủng ở các tuyến*

- Tiếp tục rà soát, tổ chức tập huấn mới và tập huấn lại về an toàn tiêm chủng, thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP), bảo đảm 100% cán bộ tham gia tiêm chủng và cán bộ quản lý vắc xin các tuyến được tập huấn theo quy định của Bộ Y tế.

c) *Quản lý đối tượng tiêm chủng*

- Hàng tháng chốt đối tượng tiêm chủng các loại vắc xin thực tế tại xã, phường, thị trấn. Thường xuyên rà soát, cập nhật và quản lý tốt các đối tượng trong diện TCMR, kịp thời tiêm bổ sung cho những đối tượng chưa được tiêm chủng hoặc tiêm chưa đủ mũi.

- Quản lý đối tượng TCMR trên Hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia nhằm đảm bảo tính kịp thời, chính xác trong quản lý các số liệu tiêm chủng.

d) *Truyền thông*

- Cập nhật Lịch tiêm chủng và vắc xin mới cho trẻ em và phụ nữ có thai trong Chương trình TCMR trên các kênh thông tin đại chúng tại địa phương.

- Chủ động truyền thông các nội dung về lợi ích tiêm chủng, các loại vắc trong TCMR trên đài truyền hình tỉnh và các đài phát thanh xã, phường, thị trấn để các bậc cha mẹ hiểu biết và đưa trẻ đi tiêm chủng đầy đủ.

- Truyền thông về các chiến dịch tiêm chủng bổ sung (khi có quy định tổ chức chiến dịch của Bộ Y tế); lợi ích của việc tiêm vắc xin; thời gian, địa điểm triển khai chiến dịch.

- Huy động sự tham gia của các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức ban, ngành, đoàn thể tại địa phương để truyền thông về an toàn tiêm chủng, hướng dẫn các bà mẹ, người chăm sóc theo dõi trẻ sau tiêm chủng trên các phương tiện thông tin đại chúng.

đ) Các hoạt động duy trì tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ theo mục tiêu, chỉ tiêu

- Tổ chức tốt hoạt động tiêm chủng thường xuyên hàng tháng tại tất cả các xã, phường, thị trấn nhằm duy trì tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 1 tuổi đạt tỷ lệ > 98%.

- Thường xuyên rà soát, tổ chức tiêm bù, tiêm vét cho tất cả những trẻ chưa được tiêm chủng hoặc chưa tiêm đủ mũi các loại vắc xin ngay trong tháng.

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện tiêm vắc xin viêm gan B cho trẻ sơ sinh trong vòng 24 giờ sau sinh tại tất cả các bệnh viện, cơ sở có phòng sinh trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục duy trì tiêm vắc xin VNNB thường xuyên hàng tháng cho trẻ từ 1-2 tuổi tại tất cả các xã/phường/thị trấn theo đúng lịch đã quy định. Chủ động rà soát, tiêm vét cho trẻ trên 36 tháng đến dưới 60 tháng tuổi chưa được tiêm chủng hoặc chưa tiêm chủng đủ mũi vắc xin VNNB.

e) Bảo đảm an toàn tiêm chủng, theo dõi phản ứng sau tiêm chủng

- Tiếp tục kiểm tra, giám sát các điều kiện tiêm chủng, công tác tổ chức và thực hiện quy trình, quy định về tiêm chủng tại các cơ sở tiêm chủng, giám sát và xử trí phản ứng sau tiêm chủng. Kịp thời sửa chữa, khắc phục hạn chế, bảo đảm an toàn trong tiêm chủng.

- Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các Trạm y tế xã, phường, thị trấn thường xuyên tự kiểm tra các điều kiện tổ chức tiêm chủng trước mỗi kỳ tiêm chủng hàng tháng, bao gồm: kế hoạch tổ chức buổi tiêm chủng, bố trí quy trình tiêm chủng, trang thiết bị, dây chuyền lạnh, nhân lực, hộp thuốc cấp cứu, phương án xử trí phản ứng nặng sau tiêm chủng...

- Thành lập các Tổ cấp cứu lưu động, sẵn sàng hỗ trợ các điểm tiêm chủng trong những ngày tiêm chủng tại địa phương.

- Duy trì hệ thống giám sát phản ứng sau tiêm chủng các vắc xin trong TCMR; thực hiện việc theo dõi, báo cáo, điều tra và tổ chức họp Hội đồng Tư vấn chuyên môn đánh giá nguyên nhân tai biến nặng trong quá trình sử dụng vắc xin theo quy định.

g) Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện

- Tuyển tỉnh: Tổ chức kiểm tra toàn diện việc quản lý TCMR ở tuyến huyện tối thiểu 4 lần/năm, kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót nhằm nâng cao chất lượng tiêm chủng; Giám sát việc triển khai và cập nhật chính xác, đầy đủ trên Hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia tại các tuyến huyện và xã; Giám sát công tác tổ chức buổi tiêm chủng trong tiêm chủng thường xuyên tại các điểm tiêm chủng trên địa bàn tỉnh trong những ngày tiêm chủng.

- Tuyển huyện tổ chức giám sát thường xuyên việc thực hiện các quy định về tiêm chủng đối với tuyến xã, tăng cường giám sát hỗ trợ các xã, phường trong những ngày tiêm chủng.

2. Tổ chức tiêm chủng bổ sung, tiêm chủng chiến dịch: Theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Y tế.

3. Giám sát các bệnh thuộc chương trình TCMR: Duy trì giám sát các bệnh có vắc xin trong TCMR. Điều tra ca bệnh, lấy mẫu bệnh phẩm theo quy định đối với trường hợp liệt mềm cấp, nghi sởi, rubella, chết sơ sinh, nghi uốn ván sơ sinh tại các cơ sở y tế và cộng đồng đạt chỉ tiêu đề ra; lồng ghép giám sát phát hiện các bệnh trong TCMR.

4. Thống kê, báo cáo

- Các xã, phường, thị trấn thống kê, báo cáo kết quả hoạt động tiêm chủng trên địa bàn gửi lên huyện, thị xã, thành phố trước ngày 05 tháng sau; các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp báo cáo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh trước ngày 10 tháng sau; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tổng hợp báo cáo TCMR Quốc gia và TCMR Khu vực trước ngày 15 tháng sau.

- Nội dung báo cáo đầy đủ theo quy định của Chương trình TCMR: Kết quả tiêm chủng thường xuyên hàng tháng, tình hình sử dụng vắc xin và vật tư tiêm chủng, hằng tháng, hằng quý, năm, tình hình bệnh truyền nhiễm trong TCMR, trường hợp phản ứng thông thường và phản ứng nặng sau tiêm chủng.

- Cập nhật Hệ thống thông tin tiêm chủng Quốc gia đáp ứng yêu cầu sử dụng bao gồm: bổ sung vắc xin, mũi tiêm trong Chương trình TCMR; rà soát và khắc phục một số lỗi khi sử dụng Hệ thống.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí địa phương đã bố trí để chi cho cho hoạt động TCMR năm 2024: 1.081.784.000 đồng (đảm bảo thực hiện công tác tiêm chủng theo quy định).

2. Kinh phí thực hiện năm 2025: Ngân sách địa phương bảo đảm nguồn lực cho hoạt động của Chương trình TCMR trên địa bàn tỉnh, trừ các hoạt động đã được ngân sách Trung ương đảm bảo, theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 13/2024/NĐ-CP ngày 05/2/2024 của Chính phủ.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định bố trí kinh phí triển khai TCMR trên địa bàn tỉnh trong dự toán ngân sách của tỉnh năm 2025.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo đạt mục tiêu, kết quả đề ra.

- Trực tiếp chỉ đạo tổ chức tiêm chủng cho các nhóm đối tượng ưu tiên theo hướng dẫn của Bộ Y tế; bảo đảm nhân lực, vật tư, thuốc men bảo đảm an toàn trong tiêm chủng và xử lý tốt các sự cố bất lợi trong quá trình tổ chức tiêm chủng.

- Chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ, hướng dẫn triển khai các hoạt động theo định hướng của Chương trình TCMR Quốc gia và tình hình thực tế tại địa phương. Tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế các tuyến.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch, chịu trách nhiệm thực hiện kế hoạch tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản, phân phối và sử dụng vắc xin theo hướng dẫn của Bộ Y tế đảm bảo an toàn, đúng quy định. Tăng cường tổ chức tiêm chủng vắc xin VGB liều sơ sinh và vắc xin BCG tại tất cả các cơ sở y tế có phòng sinh, bảo đảm đạt chỉ tiêu. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện tại các địa phương.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các hội, đoàn thể tuyên truyền ý nghĩa, lợi ích của vắc xin; đồng thời, huy động lực lượng tham gia, hỗ trợ việc điều tra, lập danh sách đối tượng.

- Phối hợp với Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định và các cơ quan liên quan tổ chức phát các thông điệp truyền thông về TCMR; truyền thông về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của TCMR, đối tượng, thời gian, địa điểm tiêm chủng, tác dụng, lợi ích của vắc xin, phản ứng có thể gặp sau tiêm chủng và cách xử trí.

- Tổ chức thực hiện công tác tiêm chủng trên địa bàn tỉnh đảm bảo an toàn, hiệu quả, đúng quy định và hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Giám sát và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố, các trường học thường xuyên phối hợp chặt chẽ với ngành y tế trong triển khai các hoạt động tiêm chủng, tiêm chủng chiến dịch; truyền thông về ý nghĩa, lợi ích của việc tiêm chủng vắc xin cho Lãnh đạo nhà trường, giáo viên, phụ huynh, học sinh nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ việc tiêm chủng.

- Chỉ đạo các trường học phối hợp y tế địa phương thực hiện các hoạt động: Lập danh sách đối tượng đang đi học trong diện tiêm chủng vắc xin; phối hợp đối chiếu, rà soát đối tượng tiêm chủng tại địa phương bảo đảm không bỏ sót, không trùng lặp đối tượng; bố trí cơ sở vật chất và hỗ trợ cán bộ y tế tổ chức buổi tiêm chủng bảo đảm trật tự; phối hợp theo dõi trẻ sau tiêm chủng và xử lý các vấn đề liên quan đến công tác tiêm chủng.

- Phối hợp với ngành y tế tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai các hoạt động tiêm chủng vắc xin tại các trường học.

3. Sở Tài chính: Phối hợp Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí đảm bảo cho các hoạt động TCMR trên địa bàn tỉnh theo quy định.

4. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao các huyện, thị xã, thành phố, các Đài truyền thanh cơ sở tập trung truyền thông sâu rộng trong cộng đồng về ý nghĩa, lợi ích của việc TCMR; ưu tiên bố trí thời lượng phát các thông điệp truyền thông về chương trình TCMR, chiến dịch tiêm chủng tại các địa phương trong thời gian diễn ra chiến dịch.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tổ chức các hoạt động tiêm chủng trên địa bàn, bảo đảm thực hiện đạt các chỉ tiêu chuyên môn. Trên cơ sở Kế hoạch này, xây dựng, phê duyệt kế hoạch hoạt động TCMR của địa phương và chỉ đạo các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện.

- Giao chỉ tiêu thực hiện cho các xã, phường, thị trấn phù hợp với thực tế, bảo đảm đạt chỉ tiêu chung của tỉnh. Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vắc xin, vật tư tiêm chủng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả tiêm chủng hàng tháng theo hướng dẫn của Sở Y tế.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các hội, đoàn thể:

Phối hợp với các sở, ngành, chính quyền các cấp thực hiện truyền thông, vận động, giải thích cho người dân hiểu rõ lợi ích của việc tiêm chủng vắc xin đối với trẻ em và phụ nữ có thai theo hướng dẫn của ngành y tế.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành, hội, đoàn thể; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này./.



Phụ lục 1:

DỰ KIẾN ĐỐI TƯỢNG TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG NĂM 2025

TT	Địa phương	Dự kiến đối tượng năm 2025 (người)					
		Trẻ dưới 1 tuổi	Trẻ tiêm VNNB mũi 1, 2	Trẻ tiêm VNNB mũi 3	Trẻ 18 tháng	Trẻ 7 tuổi	Phụ nữ có thai
1	TP. Quy Nhơn	3.305	3.288	3.239	3.297	5.265	3.297
2	Huyện Tuy Phước	2.590	2.610	2.610	2.595	2.981	2.650
3	Huyện Tây Sơn	1.294	1.268	1.268	1.279	1.836	1.217
4	TX. An Nhơn	2.095	2.079	2.079	2.052	2.334	2.061
5	Huyện Phù Cát	2.340	2.300	2.300	2.295	2.892	2.365
6	Huyện Phù Mỹ	1.831	1.891	1.891	1.896	2.505	1.855
7	TX. Hoài Nhơn	2.242	2.229	2.229	2.217	3.360	2.261
8	Huyện Hoài Ân	835	860	860	869	1.251	837
9	Huyện An Lão	380	320	320	370	550	368
10	Huyện Vĩnh Thạnh	311	321	321	312	537	316
11	Huyện Vân Canh	411	412	412	415	577	418
Tổng cộng		17.634	17.578	17.529	17.597	24.088	17.645

Phụ lục 2:

CHỈ TIÊU TIÊM CHUNG MỞ RỘNG NĂM 2025

TT	Đơn vị	Trẻ <1 tuổi tiêm đủ 8 loại vắc xin			Trẻ <1 tuổi tiêm VX VGB			Trẻ <1 tuổi tiêm IPV (mũi 1)			Trẻ <1 tuổi tiêm IPV (mũi 2)			Phụ nữ có thai		
		Dự kiến đối tượng	Chỉ tiêu	Cần tiêm	Dự kiến đối tượng	Chỉ tiêu	Cần tiêm	Dự kiến đối tượng	Chỉ tiêu	Cần tiêm	Dự kiến đối tượng	Chỉ tiêu	Cần tiêm	Dự kiến đối tượng	Chỉ tiêu	Cần tiêm
1	TP. Quy Nhơn	3.305	≥ 98%	≥ 3.239	3.305	≥ 90%	≥ 2.975	3.305	≥ 95%	≥ 3.140	3.305	≥ 90%	≥ 2.975	3.297	≥ 98%	≥ 3.231
2	H. Tuy Phước	2.590	≥ 98%	≥ 2.539	2.590	≥ 90%	≥ 2.331	2.590	≥ 95%	≥ 2.461	2.590	≥ 90%	≥ 2.331	2.650	≥ 98%	≥ 2.597
3	H. Tây Sơn	1.294	≥ 98%	≥ 1.269	1.294	≥ 90%	≥ 1.165	1.294	≥ 95%	≥ 1.229	1.294	≥ 90%	≥ 1.165	1.217	≥ 98%	≥ 1.193
4	TX. An Nhơn	2.095	≥ 98%	≥ 2.053	2.095	≥ 90%	≥ 1.886	2.095	≥ 95%	≥ 1.990	2.095	≥ 90%	≥ 1.886	2.061	≥ 98%	≥ 2.020
5	H. Phù Cát	2.340	≥ 98%	≥ 2.293	2.340	≥ 90%	≥ 2.106	2.340	≥ 95%	≥ 2.223	2.340	≥ 90%	≥ 2.106	2.365	≥ 98%	≥ 2.318
6	H. Phù Mỹ	1.831	≥ 98%	≥ 1.794	1.831	≥ 90%	≥ 1.648	1.831	≥ 95%	≥ 1.739	1.831	≥ 90%	≥ 1.648	1.855	≥ 98%	≥ 1.818
7	TX. Hoài Nhơn	2.242	≥ 98%	≥ 2.197	2.242	≥ 90%	≥ 2.018	2.242	≥ 95%	≥ 2.130	2.242	≥ 90%	≥ 2.018	2.261	≥ 98%	≥ 2.216
8	H. Hoài Ân	835	≥ 98%	≥ 818	835	≥ 90%	≥ 752	835	≥ 95%	≥ 793	835	≥ 90%	≥ 752	837	≥ 98%	≥ 820
9	H. An Lão	380	≥ 98%	≥ 372	380	≥ 90%	≥ 342	380	≥ 95%	≥ 361	380	≥ 90%	≥ 342	368	≥ 98%	≥ 361
10	H. Vĩnh Thạnh	311	≥ 98%	≥ 305	311	≥ 90%	≥ 280	311	≥ 95%	≥ 295	311	≥ 90%	≥ 280	316	≥ 98%	≥ 310
11	H. Vân Canh	411	≥ 98%	≥ 403	411	≥ 90%	≥ 370	411	≥ 95%	≥ 390	411	≥ 90%	≥ 370	418	≥ 98%	≥ 410
Tổng cộng		17.634	≥ 98%	≥ 17.281	17.634	≥ 90%	≥ 15.871	17.634	≥ 95%	≥ 16.752	17.634	≥ 90%	≥ 15.871	17.645	≥ 98%	≥ 17.291

Phụ lục 3:

**CHỈ TIÊU TIÊM VẮC XIN VIÊM NÃO NHẬT BẢN, SỎI-RUBELLA VÀ DPT MŨI 4
TRONG TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG NĂM 2025**

TT	Đơn vị	Trẻ 18 tháng tuổi tiêm sởi-rubella và DPT mũi 4			Tiêm vắc xin VNNB					
					Trẻ M1, M2			Trẻ tiêm M3		
		Dự kiến đối tượng	Chỉ tiêu	Cần tiêm	Dự kiến đối tượng	Chỉ tiêu	Cần tiêm	Dự kiến đối tượng	Chỉ tiêu	Cần tiêm
1	TP. Quy Nhơn	3.297	≥ 98%	≥ 3.231	3.288	≥ 98%	≥ 3.222	3.239	≥ 98%	≥ 3.174
2	H. Tuy Phước	2.595	≥ 98%	≥ 2.543	2.610	≥ 98%	≥ 2.558	2.610	≥ 98%	≥ 2.558
3	H. Tây Sơn	1.279	≥ 98%	≥ 1.253	1.268	≥ 98%	≥ 1.243	1.268	≥ 98%	≥ 1.243
4	TX. An Nhơn	2.052	≥ 98%	≥ 2.011	2.079	≥ 98%	≥ 2.037	2.079	≥ 98%	≥ 2.037
5	H. Phù Cát	2.295	≥ 98%	≥ 2.249	2.300	≥ 98%	≥ 2.254	2.300	≥ 98%	≥ 2.254
6	H. Phù Mỹ	1.896	≥ 98%	≥ 1.858	1.891	≥ 98%	≥ 1.853	1.891	≥ 98%	≥ 1.853
7	TX. Hoài Nhơn	2.217	≥ 98%	≥ 2.173	2.229	≥ 98%	≥ 2.184	2.229	≥ 98%	≥ 2.184
8	H. Hoài Ân	869	≥ 98%	≥ 852	860	≥ 98%	≥ 843	860	≥ 98%	≥ 843
9	H. An Lão	370	≥ 98%	≥ 363	320	≥ 98%	≥ 314	320	≥ 98%	≥ 314
10	H. Vĩnh Thạnh	312	≥ 98%	≥ 306	321	≥ 98%	≥ 315	321	≥ 98%	≥ 315
11	H. Vân Canh	415	≥ 98%	≥ 407	412	≥ 98%	≥ 404	412	≥ 98%	≥ 404
Tổng cộng		17.597	≥ 98%	≥ 17.245	17.578	≥ 98%	≥ 17.226	17.529	≥ 98%	≥ 17.178

Phụ lục 4:

**CHỈ TIÊU GIÁM SÁT CÁC BỆNH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH
TCMR NĂM 2025 CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

TT	Nội dung thực hiện	Chỉ tiêu
1	Không có vi rút bại liệt hoang dại	0 trường hợp
2	100% huyện đạt tiêu chuẩn loại trừ UVSS	100% huyện đạt
3	Tỷ lệ mắc sởi	$\leq 5/100.000$ người
4	Tỷ lệ mắc bạch hầu	$\leq 0,1/100.000$ người
5	Tỷ lệ mắc ho gà	$\leq 1/100.000$ người
6	Ca LMC được điều tra và lấy mẫu	$\leq 1/100.000$ trẻ dưới 15 tuổi
7	Ca nghi sởi/rubella được điều tra và lấy mẫu xét nghiệm	$\geq 2/100.000$ dân trên phạm vi huyện
8	Số ca chết sơ sinh được điều tra	$\geq 2/1.000$ trẻ đẻ sống

Phụ lục 5:

**SỐ LƯỢNG VẮC XIN CẦN MUA
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TCMR NĂM 2025**

Đvt: Liều

TT	Loại vắc xin	Nhu cầu vắc xin tiêm bù mũi cho đối tượng thuộc kế hoạch TCMR năm 2024 chưa được tiêm chủng	Nhu cầu vắc xin trong năm 2025	Nhu cầu vắc xin gói đầu 6 tháng đầu năm 2026	Số vắc xin còn tồn của năm 2024	Tổng nhu cầu năm 2025
A	B	I	2	3	4	5=I+2+3-4
1	Viêm gan B sơ sinh	60	16.675	8.340	70	25.005
2	Lao	570	29.270	14.640	140	44.340
3	DPT-VGB-Hib	3.485	50.010	25.015	130	78.380
4	Bại liệt uống	4.420	77.440	38.700	240	120.320
5	Bại liệt tiêm	2.650	48.980	24.520	130	76.020
6	Sởi	1.480	24.500	12.250	110	38.120
7	Sởi-Rubella	1.520	25.780	12.920	120	40.100
8	Viêm não Nhật bản	4.510	72.990	36.510	690	113.320
9	Uốn ván	1.520	55.960	28.020	200	85.300
10	Bạch hầu-Ho gà - Uốn ván (DPT)	1.940	32.400	16.320	200	50.460
11	Rota	2.040	33.325	16.665	0	52.030
12	Uốn ván-Bạch hầu giảm liều (Td)	0	27.180	0	0	27.180

Phụ lục 6:
DỰ KIẾN NHU CẦU VẬT TƯ TRONG TCMR NĂM 2025

TT	Đơn vị	Dự kiến vật tư tiêu thụ năm 2024				Dự kiến vật tư năm 2025				Dự kiến vật tư gói đầu 6 tháng năm 2026				Tổng nhu cầu vật tư tiêu chủng			
		Bơm kim tiêm (BKT) 0,5ml	BK T 5 ml	BKT 0,1 ml	Hộp an toàn	BKT 0,5ml	BKT 5ml	BKT 0,1ml	Hộp an toàn	BKT 0,5ml	BKT 5ml	BKT 0,1ml	Hộp an toàn	BKT 0,5ml	BKT 5ml	BKT 0,1ml	Hộp an toàn
1	TP. Quy Nhơn	5.087	163	139	59	52.702	1.597	3.563	636	23.745	799	1.781	290	81.534	2.559	5.483	985
2	H. Tuy Phước	1.588	26	0	18	40.491	1.254	2.792	490	18.770	627	1.396	229	60.850	1.907	4.188	736
3	H. Tây Sơn	893	31	68	11	20.166	649	1.395	244	9.174	326	697	112	30.233	1.005	2.160	367
4	TX. An Nhơn	0	0	0	0	32.280	1.005	2.258	391	14.985	505	1.129	183	47.265	1.510	3.388	574
5	H. Phù Cát	206	9	0	2	36.434	1.124	2.523	441	16.785	562	1.261	205	53.426	1.695	3.784	648
6	H. Phù Mỹ	1.324	23	0	15	29.235	895	1.974	353	13.377	448	987	163	43.935	1.366	2.961	531
7	TX.Hoài Nhơn	692	25	60	9	35.591	1.080	2.417	430	16.132	539	1.208	197	52.415	1.645	3.686	635
8	H. Hoài Ân	1.807	55	54	21	13.419	425	900	162	6.090	212	450	74	21.316	692	1.404	258
9	H. An Lão	598	29	34	7	5.792	246	410	71	2.624	124	205	32	9.014	399	649	111
10	H. Vĩnh Thạnh	216	7	0	2	5.057	204	335	62	2.263	102	168	28	7.536	312	503	92
11	H. Vân Canh	646	25	11	8	6.522	271	443	80	2.975	135	222	37	10.144	431	675	124
Tổng cộng		13.056	393	367	152	277.690	8.751	19.009	3.360	126.922	4.379	9.505	1.549	417.668	13.522	28.881	5.061

